TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYÊN HA HOÀ- TỈNH PHÚ THO	**Đôc lâp - Tư do-Hanh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ - ST
Ngày 17/8/2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Vũ Văn Võ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Sáng**
2. Bà **Trần Thị Minh Nguyệt**

- Th- ký phiên toà: Ông **Ngô Văn Tứ** - Thẩm tra viên .
- Đại diện VKSND huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thu Thắm** - KSV

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"
Theo Quyết định đưa vụ án 07/2018/QĐXX- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018
Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/QĐST- HNGĐ ngày 30/7/2018
Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Tiến M**, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Khu 10, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1995 . Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 10, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Tiến M trình bày:

Anh và chị T kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2014 được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ - huyện H - Phú Thọ. Sau kết hôn chị về làm dâu nhà anh ngay ăn chung, ở chung với bố mẹ để anh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T không chịu làm ăn thường xuyên bỏ nhà đi anh đã động viên chị nhiều lần xong chị T không thay đổi, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung:

Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2014. Ly hôn anh xin được nuôi cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh xác định vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tòa án giải quyết vụ án, anh M có mặt, chị T đều vắng mặt. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương, lấy lời khai của anh Vũ Văn T là anh trai chị T trình bày: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án cho anh, anh không có liên quan gì nên anh không nhận, chị T đã cắt khẩu đi khỏi gia đình từ khi lấy anh M, chị T thỉnh thoảng về thăm nhà. Việc chị T không đến Tòa án làm việc anh không biết cũng không có liên quan gì.

Phát biểu tại phiên tòa Kiểm sát viên khẳng định :

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã khẳng định quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, thư ký hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử :

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Lê Tiến M được ly hôn với chị Vũ Thị T

- **Về con chung**: Xác định anh M và chị T có một con chung:

Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2014. Do chị T vắng mặt, đề nghị HĐXX giao anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu.

- **Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp:**

Anh Lê Tiến M xác định vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay gì, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vũ Thị T hiện đang vắng mặt không có ý kiến của chị T về các mối quan hệ này, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh M phải chịu 300.000đ

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập các đương sự đến làm việc, anh M có mặt, chị T vắng mặt không có lý do.

TAND huyện Hạ Hòa - Phú Thọ đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa và đã tống đạt hợp lệ lần thứ nhất, chị T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa lần thứ 2 theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227 - BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Tiến M và chị Vũ Thị T kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2014 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M cho rằng chị T chơi bời quá đáng, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 8 năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị T thường xuyên bỏ nhà đi, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị T.

Qua xác minh tại địa phương xã Đ, huyện H: UBND xã và hội phụ nữ xã Đ, huyện H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T đã trầm trọng, hai bên không còn khả năng đoàn tụ, chị T không trở về chung sống cùng với anh M nữa, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết cho hai người ly hôn để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự.

Xác định hiện nay anh M và chị T đã chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng nữa. Cho thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh M với chị T là phù hợp với điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung:

Xác định anh M và chị T có một con chung:

Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2014. Do chị T vắng mặt, đề nghị HĐXX giao anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh Lê Tiến M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vũ Thị T hiện đang vắng mặt, không có ý kiến của chị T về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ

án này. Sau ly hôn, Nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 4 điều 147, BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Xử: cho anh Lê Tiến M được ly hôn chị Vũ Thị T.

2. Về nuôi con chung:

Xử giao anh Lê Tiến M trực tiếp nuôi dưỡng cháu :

Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2014. Kể từ tháng 8/2018 đến khi cháu T thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh M không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cản .

3. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp:

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau ly hôn các bên đương sự có phát sinh tranh chấp, có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003496 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (xác nhận anh M đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án anh M có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ .

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND H. Hạ Hòa*
- *Chi cục THADS H. Hạ Hòa*
- *Lưu HS- VP*
- *UBND xã Đ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Võ